BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 645 /BGTVT-TC V/v cung cấp tài liệu phục vụ Kiểm toán Nhà nước	*Hà Nội, ngày 19 tháng 01 năm 2018*

CỤC Y TẾ GIAO THÔNG VẬN TẢI
CÔNG VĂN ĐẾN
22-01-2018
Số: 198

HỎA-TỐC

Kính gửi

- Các Vụ: Kế hoạch đầu tư, Tài chính, Quản lý doanh nghiệp, Tổ chức cán bộ, Pháp chế, Thanh tra Bộ;
- Cục Quản lý xây dựng và Chất lượng CTGT.
- Văn phòng Bộ, Cục Y tế Giao thông vận tải, Viện Chiến lược và Phát triển GTVT, Viện Khoa học và Công nghệ GTVT, Cục Đường thủy nội địa Việt Nam, Báo Giao thông, Trường Đại học Hàng hải Việt Nam, Trường Đại học GTVT thành phố Hồ Chí Minh, Trường Đại học Công nghệ GTVT, Học viện Hàng không Việt Nam, Các Ban QLDA thuộc Bộ.

Bộ Giao thông vận tải nhận được Công văn số 69/KTNN-CNII ngày 15/01/2018 của Kiểm toán Nhà nước về việc cung cấp tài liệu phục vụ công tác lập kế hoạch kiểm toán (có bản phô tô gửi kèm Công văn này); về vấn đề này, Bộ GTVT giao nhiệm vụ cho các cơ quan, đơn vị cụ thể như sau:

1. Các cơ quan tham mưu thuộc Bộ: Báo cáo theo nội dung được phân công tại Phụ lục số 1 kèm theo Công văn này. Vụ Kế hoạch đầu tư báo cáo chi tiết các dự án (danh sách theo phụ lục số 2 kèm theo Công văn này) theo Mẫu số 01/ĐCKS-DAĐT và các Phụ lục 05; 05a; 05b; 05c; 05d; 05e; 05f; 05g; 05h; 05k của Kiểm toán Nhà nước. Vụ Tài chính tổng hợp chung báo cáo kiểm toán Nhà nước.

2. Các đơn vị được khảo sát (Văn phòng Bộ; Cục Y tế GTVT và các đơn vị trực thuộc; Viện Chiến lược và Phát triển GTVT; Viện Khoa học và Công nghệ GTVT; Cục Đường thủy nội địa Việt Nam và các đơn vị trực thuộc; Báo Giao thông; Trường Đại học Hàng hải Việt Nam; Trường Đại học GTVT thành phố Hồ Chí Minh; Trường Đại học Công nghệ GTVT; Học viện Hàng không Việt Nam; Các Ban QLDA thuộc Bộ): Báo cáo các nội dung theo Phụ lục số 3 kèm theo Công văn này.

Yêu cầu các cơ quan, đơn vị khẩn trương thực hiện, báo cáo kết quả về Bộ GTVT bằng văn bản và file điện tử (qua Vụ Tài chính: email: bongtv@mt.gov.vn) trước ngày 22/01/2017 để kịp tổng hợp báo cáo số liệu gửi Kiểm toán Nhà nước./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Nhật

Nơi nhận:
- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Lưu: VT, TC (Bổng)

Phụ lục số 1

(Kèm theo Công văn số 645 /BGTVT-TC ngày 19 /01/2018 của Bộ GTVT)

Nội dung	Đơn vị thực hiện
I. MỘT SỐ THÔNG TIN CƠ BẢN VỀ ĐƠN VỊ VÀ TÌNH HÌNH QUẢN LÝ TÀI CHÍNH: **1. Phân cấp quản lý tài chính**	
1.1. Chi đầu tư phát triển: - Chi đầu tư XDCB + Quản lý nhà nước về đầu tư XDCB (thẩm tra phê duyệt dự án, thiết kế kỹ thuật, tổng dự toán...); + Quản lý thực hiện dự án; + Cấp phát vốn; - Chi đầu tư và hỗ trợ các doanh nghiệp (nếu có);	Vụ KHĐT
1.2. Chi thường xuyên; Chi chương trình mục tiêu; Quản lý thu, chi hoạt động sự nghiệp và hoạt động SXKD - Nhiệm vụ, trách nhiệm của các cơ quan tài chính tổng hợp (Vụ Kế hoạch - Đầu tư, Vụ Tài chính), các Tổng cục, Cục, Vụ tham mưu của Bộ Giao thông vận tải trong quản lý ngân sách. - Nhiệm vụ, trách nhiệm của các đơn vị trực thuộc Bộ Giao thông vận tải trong quản lý và sử dụng ngân sách (đơn vị dự toán, đơn vị sự nghiệp có thu,...). - Phân cấp về công tác lập, giao kế hoạch; quản lý thu chi và hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ; thu, chi các loại phí, lệ phí và các khoản thu sự nghiệp khác.	Vụ Tài chính
1.3. Các Doanh nghiệp nhà nước - Phân cấp trách nhiệm cơ quan tham mưu quản lý, giám sát doanh nghiệp thuộc Bộ; - Tình hình đổi mới, sắp xếp doanh nghiệp của Bộ;	Vụ QLDN
1.4. Phân cấp quản lý biên chế, công chức, viên chức, lao động hợp đồng của Bộ Giao thông vận tải (bao gồm các Tổng cục, Cục, ...).	Vụ TCCB
1.5. Công tác quản lý tài sản - Nhiệm vụ, trách nhiệm của Bộ, Tổng Cục, Cục, Vụ tham mưu của Bộ Giao thông vận tải trong quản lý và sử dụng tài sản. - Nhiệm vụ, trách nhiệm của các đơn vị trực thuộc Bộ Giao thông vận tải trong quản lý và sử dụng tài sản.	Vụ Tài chính
2. Các đơn vị dự toán, các Ban QLDA, DNNN trực thuộc ***2.1. Các đơn vị dự toán:*** Tổng số các đơn vị dự toán (nêu rõ số đơn vị dự toán cấp I,II,III; số lượng các đơn vị sự nghiệp tự bảo đảm chi phí hoạt động, đầu tư; đơn vị sự nghiệp tự bảo đảm một phần chi phí hoạt động; đơn vị sự nghiệp do ngân sách nhà nước bảo đảm toàn bộ chi phí hoạt động). ***2.2. Các Ban quản lý dự án*** - Các Ban quản lý dự án chuyên trách trực thuộc Bộ. - Các Ban quản lý dự án trực thuộc chủ đầu tư không chuyên trách (thành lập theo từng dự án giúp chủ đầu tư quản lý dự án).	Vụ Tài chính
2.3. Các doanh nghiệp thuộc Bộ quản lý - Số lượng các DNNN 100% vốn nhà nước; - Số lượng các công ty cổ phần có trên 50% vốn nhà nước; - Số lượng các công ty cổ phần dưới 50% vốn nhà nước.	Vụ QLDN

Nội dung	Đơn vị thực hiện
2.4. Công tác công tác quản lý và sử dụng biên chế công chức, viên chức, lao động hợp đồng và quỹ lương năm 2017 - Lập, thẩm định kế hoạch biên chế, xác định số biên chế được giao trình cấp có thẩm quyền phê duyệt; - Tình hình sử dụng biên chế công chức, viên chức và lao động hợp đồng được giao của năm 2016, 2017; số biên chế được giao trong năm, số có mặt trong năm, tình hình tăng giảm biên chế trong năm theo Nghị định số 21/2010/NĐ-CP ngày 08/3/2010; Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012; Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 và các văn bản hướng dẫn hiện hành. - Việc triển khai thực hiện và thẩm định Đề án vị trí việc làm theo Nghị định số 41/2012/NĐ-CP 08/5/2012 quy định về vị trí việc làm trong đơn vị sự nghiệp công lập; Nghị định số 36/2013/NĐ-CP ngày 22/4/2013 về vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức. - Việc thực hiện công tác tinh giản biên chế theo Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/4/2015 của Ban chấp hành Trung ương về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; - Việc lập và phân bổ và giao dự toán ngân sách quỹ tiền tiền lương năm 2016, 2017; - Báo cáo, tổng hợp, đánh giá tình hình thực hiện quỹ lương đối với đơn vị dự toán thực hiện theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ; đơn vị sự nghiệp thực hiện theo Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006; Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 và Nghị định 115/2005/NĐ-CP ngày 05/9/2005 của Chính phủ. *(Chi tiết theo các phụ lục kèm theo đề cương: 10a/ĐCKS-NSBN; 10b/ĐCKS-NSBN; 11/ĐCKS-NSBN).*	Vụ TCCB
2.5. Chức năng quản lý nhà nước[1] của Bộ Giao thông vận tải trong một số lĩnh vực và Báo cáo tình hình triển khai thực hiện Quyết định số 208/QĐ-TTg ngày 03/02/3016 của Thủ tướng Chính phủ - Công tác xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật: Thống kê số lượng văn bản phải xây dựng theo chương trình, kế hoạch xây dựng pháp luật hàng năm của Bộ đã được phê duyệt, số đã xây dựng, số chưa xây dựng, nguyên nhân chưa xây dựng *(Phụ lục số 09a/ĐCKS-NSBN kèm theo).*	Vụ Pháp chế
- Báo cáo tình hình triển khai thực hiện Quyết định số 208/QĐ-TTg ngày 03/02/3016 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt quy hoạch mạng lưới đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Bộ Giao thông vận tải đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 *(Phụ lục số 09b/ĐCKS-NSBN kèm theo)*	Vụ TCCB
3. Quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ***3.1. Chi đầu tư phát triển*** - Tình hình thực hiện kế hoạch vốn đầu tư, chi tiết theo nguồn vốn; - Công tác lập và phê duyệt dự án đầu tư; - Các Dự án được khởi công mới trong năm;	Vụ KHĐT; Cục QLXD&CLCTGT; Vụ Tài chính

[1] Nghị định số 107/2012/NĐ-CP ngày 20/12/2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải; Nghị định số 12/2017/NĐ-CP ngày 10/02/2017 của Chính phủ thay thế Nghị định số 107/2012/NĐ-CP ngày 20/12/2012 (hiệu lực từ ngày 26/3/2017).

Nội dung	Đơn vị thực hiện
- Công tác đấu thầu, chỉ định thầu; - Công tác lập và phê duyệt quyết toán vốn đầu tư; - Tình hình nợ đọng và xử lý nợ đọng vốn ĐTXD; *(Chi tiết theo Phụ lục số 05; 05a; 05b; 05c; 05d; 05e; 05f; 05g; 05h; 05k/ĐCKS-NSBN).*	
3.2. Chi thường xuyên - Việc lập, phân bổ và giao dự toán của Bộ và các đơn vị dự toán, chi tiết việc phân bổ dự toán cho từng đơn vị *(Phụ lục số 03/ĐCKS-NSBN)*; - Việc quản lý, sử dụng và quyết toán theo các nguồn kinh phí, chi tiết cho từng đơn vị *(Phụ lục số 03a/ĐCKS-NSBN;Phụ lục số 04/KHKT-NSBN)*, cụ thể: + Nguồn NSNN cấp cho Bộ Giao thông vận tải để cấp cho các đơn vị trực thuộc (dự toán, quyết toán), trong đó: Loại ...(dự toán, quyết toán)... Loại ...(dự toán, quyết toán)... + Nguồn viện trợ (Tổng số nguồn viện trợ: dự toán, quyết toán); số lượng các đơn vị quản lý, sử dụng viện trợ; số chưa ghi thu ghi chi năm trước chuyển sang, số phải ghi thu ghi chi năm kiểm toán; số đã ghi thu, ghi chi năm kiểm toán; số luỹ kế chưa ghi thu, ghi chi còn đến hết năm kiểm toán); + Nguồn khác; - Số dư kinh phí năm trước chuyển sang, số đã sử dụng trong năm; số dư chưa sử dụng chuyển năm sau, nêu rõ nguyên nhân chưa sử dụng chuyển năm sau (năm 2016 chuyển sang năm 2017; năm 2017 chuyển sang năm 2018). - Việc thực hiện các định mức chi tiêu (những bất cập, chưa phù hợp của văn bản, chế độ...); ***3.3. Thu, chi hoạt động sự nghiệp và hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ*** - Tổng số các khoản thu, số lượng các đơn vị quản lý, sử dụng phí, lệ phí, thu sự nghiệp được bổ sung kinh phí hoạt động, cơ cấu thu, chi và cơ chế quản lý đặc thù đối với hoạt động thu, chi sự nghiệp; - Các khoản thu khác: (số các khoản thu, số lượng các đơn vị có các khoản thu khác); *(Phụ lục số 06/ĐCKS-NSBN).* ***3.4. Chi chương trình mục tiêu (CTMT):*** Tổng kinh phí các CTMT, chi tiết từng đơn vị, từng nguồn kinh phí CTMT theo nội dung: Dự toán được giao, số quyết toán *(Phụ lục số 03b/ĐCKS-NSBN).* - Báo cáo việc rà soát sắp xếp lại các Chương trình mục tiêu quốc gia theo Nghị quyết số 100/2015/QH13 ngày 12/11/2015 về phê duyệt chủ trương đầu tư các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020. ***3.5. Việc xử lý số dư kinh phí chưa quyết toán chuyển năm sau*** a. Số dư dự toán - Số dư dự toán năm trước chuyển sang (chi tiết theo từng loại kinh phí). - Số dư dự toán chuyển sang năm sau (chi tiết từng từng loại kinh phí). b. Kinh phí tạm ứng chuyển sang năm sau - Số dư kinh phí năm trước chuyển sang (chi tiết từng từng loại kinh phí). - Số kinh phí chuyển sang năm sau (chi tiết từng từng loại kinh phí).	Vụ Tài chính

Nội dung	Đơn vị thực hiện
3.6. Chi trợ giá, trợ cước (nếu có) *3.7. Các quỹ tài chính*: Thống kê các loại Quỹ do Bộ Giao thông vận tải quản lý, tình hình quản lý và sử dụng, số dư chi tiết từng loại Quỹ; quy chế quản lý và sử dụng của các loại Quỹ; nguồn hình thành các Quỹ.	
4. Tình hình quản lý các DNNN - Tình hình tài chính và chấp hành thu nộp NSNN của các DNNN trực thuộc, quản lý vốn và tài sản nhà nước; cơ chế quản lý nhà nước và thực hiện quản lý các doanh nghiệp; chấp hành luật, chế độ tài chính, kế toán .... *(Phụ lục số 07/ĐCKS-NSBN).* - Tình hình đổi mới, sắp xếp doanh nghiệp của Bộ; -Tình hình cổ phần hóa DNNN đến thời điểm khảo sát (số lượng doanh nghiệp đã cổ phần hóa, tiến độ cổ phần hóa doanh nghiệp thuộc Bộ)	Vụ QLDN
5. Tình hình quản lý và sử dụng tài sản công Tình hình quản lý và sử dụng tài sản công đối với các đơn vị quản lý nhà nước; đơn vị sự nghiệp theo quy định của Luật quản lý, sử dụng tài sản nhà nước và các văn bản hiện hành có liên quan: - Số lượng, giá trị tổng hợp về tài sản là đất đai, trụ sở, phương tiện đi lại, trang thiết làm việc đang quản lý, khai thác và sử dụng (nguyên giá và giá trị còn lại) của Bộ và tất cả các đơn vị trực thuộc *(Phụ lục số 08/ĐCKS-NSBN).* - Báo cáo tóm tắt tình hình thực hiện quản lý, sử dụng tài sản là đất đai, trụ sở, phương tiện đi lại, trang thiết bị làm việc của Bộ năm 2017: + Báo cáo tình hình thực hiện sắp xếp lại, xử lý nhà đất thuộc sở hữu nhà nước theo Quyết định số 09/2007/QĐ-TTg ngày 19/01/2007 của Thủ tướng Chính phủ; Chỉ thị số 27/CT-TTg ngày 25/8/2014 Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường công tác quản lý các trụ sở, cơ sở hoạt động sự nghiệp. + Tình hình sử dụng xe công theo Quyết định số 32/2015/QĐ-TTg ngày 4/8/2015 quy định tiêu chuẩn, định mức và chế độ quản lý, sử dụng xe ô tô trong cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ; các tài sản khác (Tổng số được trang bị, số mua sắm và điều chuyển trong năm, số thực tế đang sử dụng, số thanh lý trong năm, các tài sản khác không sử dụng (lý do)…	Vụ Tài chính
II. MỘT SỐ THÔNG TIN CƠ BẢN VỀ HỆ THỐNG KIỂM SOÁT NỘI BỘ VÀ TÌNH HÌNH THANH TRA, KIỂM TRA, KIỂM TOÁN **1. Môi trường kiểm soát** - Hệ thống văn bản chỉ đạo và điều hành ngân sách của Bộ Giao thông vận tải; quy chế quản lý tài chính, quy chế quản lý đầu tư XDCB... - Mối quan hệ phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị trong hệ thống kiểm soát nội bộ; - Hệ thống thông tin quản lý ngân sách: các loại báo cáo phục vụ công tác tài chính, ngân sách.	Vụ Tài chính
2. Tổ chức bộ máy kiểm soát nội bộ - Bộ máy kiểm soát nội bộ; Quy chế tổ chức và hoạt động của tổ chức Thanh tra, Kiểm soát nội bộ của Bộ Giao thông vận tải và các đơn vị trực thuộc; Quy trình kiểm soát nội bộ, tính đầy đủ và hiệu lực của bộ máy kiểm soát nội bộ; - Cơ cấu tổ chức của hệ thống kế toán, quyết toán ngân sách nhà nước; - Mối quan hệ phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị thuộc hệ thống kiểm soát;	Thanh tra Bộ; Vụ Tài chính

Nội dung	Đơn vị thực hiện
3. Hoạt động của bộ máy kiểm soát nội bộ trong năm - Mô hình tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của bộ máy kiểm soát nôi bộ; - Công tác kiểm tra hoạt động quản lý tài chính kế toán, phê duyệt quyết toán: số lượng đơn vị đã được kiểm tra và phê duyệt quyết toán năm 2017 và kết quả kiểm tra, phê duyệt quyết toán); - Những thuận lợi, khó khăn của hoạt động kiểm soát nội bộ.	Vụ Tài chính
4. Tình hình thanh tra, kiểm tra tài chính (nếu có) - Thanh tra nội bộ: Kế hoạch thanh tra, kiểm tra năm 2017; Đơn vị được thanh tra, kiểm tra năm 2017; Kết quả thanh tra, kiểm tra năm 2017; Kế hoạch thanh tra năm 2018; - Thanh tra Chính phủ; Bộ Tài chính; Cơ quan Công an điều tra (nếu có): Kế hoạch thanh tra, kiểm tra năm 2017; Đơn vị được thanh tra, kiểm tra năm 2017; Kết quả thanh tra, kiểm tra năm 2017; Kế hoạch thanh tra năm 2018;	Thanh tra Bộ
5. Kết quả thực hiện kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước kỳ trước, Thanh tra Bộ Tài chính, Thanh tra Chính phủ, các đơn vị thanh kiểm tra khác tại Bộ và các đơn vị thuộc Bộ - Các kiến nghị của các đơn vị thanh tra, kiểm toán đã được Bộ và các đơn vị thực hiện; - Các kiến nghị của các đơn vị thanh tra, kiểm toán chưa được thực hiện đến thời điểm hiện tại; nêu rõ các lý do chưa thực hiện.	Thanh tra Bộ; Vụ Tài chính

Phụ lục số 2

DANH SÁCH CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ

(Kèm theo Công văn số 645 /BGTVT-TC ngày 19 /01/2018 của Bộ GTVT)

1. Dự án khu giảng đường Trường ĐH Công nghệ GTVT tại TP Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.
2. Dự án đầu tư xây dựng 01 đơn nguyên bên phải cầu Gián Khẩu tại Km255+434,8, quốc lộ 1, tỉnh Ninh Bình
3. Thảm bê tông nhựa đoạn Km 116 + 979 - Km 121 + 027 để hoàn thành Dự án đầu tư nâng cấp, mở rộng QL 14, đoạn qua thị xã Đồng Xoài (Km113+779,42 - Km122+230,26), tỉnh Bình Phước thuộc dự án đường Hồ Chí Minh
4. Đầu tư đoạn Chợ Mới - Chợ Chu thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường Hồ Chí Minh đoạn Chợ Mới - Ngã ba Trung Sơn, tỉnh Tuyên Quang
5. Dự án đầu tư xây dựng cầu Bình Ca (bao gồm đường dẫn đầu cầu từ ngã ba Phú Thịnh đến Km124+500 quốc lộ 2) thuộc đường Hồ Chí Minh - Đầu tư xây dựng đường dẫn hai đầu cầu Bình Ca từ Km0 - Km4+329,7 và tự Km8+678 - Km12+291,37 (Km124 +500QL2)
6. Dự án đầu tư xây dựng công trình đường Hồ Chí Minh đoạn tránh trung tâm huyện Ngân Sơn và thị trấn Nà Phặc, tỉnh Bắc Kạn
7. Dự án xây dựng đường Hồ Chí Minh đoạn Chơn Thành - Đức Hòa, thuộc các tỉnh Bình Phước, Bình Dương, Tây Ninh và Long An
8. Dự án đầu tư xây dựng quốc lộ 12B đoạn Tam Điệp - Nho Quan, tỉnh Ninh Bình (Quyết định số 1350/QĐ - BGTVT ngày 29/04/2016)
9. Dự án đầu tư xây dựng đường Hồ Chí Minh đoạn tuyến tránh phía Tây thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắc Lắk
10. Dự án đầu tư xây dựng đường HCM đoạn tuyến tránh đô thị PleiKu, Gia Lai
11. Dự án cải tạo mở rộng QL1A đoạn cửa phía Bắc, phía Nam thành phố Ninh Bình
12. Dự án kiên cố hóa Quốc lộ 91 đoạn qua đại phận tỉnh An Giang
13. Dự án đầu tư nâng cấp luồng tàu biển 10.000DWT đầy tải vào cảng Cửa Lò
14. Dự án cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 61B (đoạn ngã ba Vĩnh Tường - TT. Long Mỹ)
15. Dự án đầu tư xây dựng công trình cải tạo nâng cấp Quốc lộ 63 đoạn Km74+200-Km112+782 tỉnh Cà Mau (trước mắt làm đoạn Km110+323-Km112 +782)
16. Công trình "Xây dựng các hàng mục công trình thuộc giai đoạn 2, kế hoạch 1856 theo lệnh khẩn cấp".
17. Dự án Nhà điều hành Tổng cục Đường bộ Việt Nam, Ban quản lý dự án 6 và Ban quản lý dự án Đường sắt
18. Dự án xây dựng Trường Đại học Giao thông vận tải TP.HCM cơ sở Đồng Nai - Giai đoạn 1

Phụ lục số 3

DANH MỤC TÀI LIỆU THU THẬP TỪ ĐƠN VỊ DỰ TOÁN CẤP II, III THUỘC BỘ GTVT ĐỂ LẬP KẾ HOẠCH KIỂM TOÁN CHI TIẾT

(Kèm theo Công văn số 645 /BGTVT-TC ngày 19 /01/2018 của Bộ GTVT)

I. Tài liệu đối với các đơn vị dự toán đơn vị cấp II

1- Quyết định thành lập đơn vị, quy định về chức năng, nhiệm vụ của đơn vị và các quyết định bổ sung điều chỉnh (nếu có).

2- Danh sách các đơn vị trực thuộc.

3- Văn bản phân cấp quản lý tài chính, các quy định, quy chế sử dụng tài chính, tài sản công;

4- Các văn bản liên quan đến việc giao quyền tự chủ cho cho đơn vị và cho các đơn vị trực thuộc;

5- Các văn bản liên quan đến giao biên chế cho đơn vị và cho các đơn vị trực thuộc;

6- Các văn bản giao, điều chỉnh, bổ sung dự toán của Bộ cho đơn vị và các văn bản giao dự toán cho các đơn vị trực thuộc;

7- Báo cáo tài chính của đơn vị năm 2016 và năm 2017.

8- Văn bản đề nghị chuyển số dư năm 2016 sang 2017 và năm 2017 sang 2018, văn bản đồng ý chuyển số dư của cấp có thẩm quyền.

9- Báo cáo số lượng, giá trị tổng hợp về tài sản là đất đai, trụ sở, ô tô, phương tiện trang thiết bị làm việc.

10- Báo cáo tình hình thực hiện việc sắp xếp đất đai, trụ sở theo Quyết định số 09/2007/QĐ-TTg ngày 19/1/2017 của Thủ tướng Chính phủ;

11- Báo cáo tình hình sử dụng lao động năm 2017: số đầu năm, số tăng giảm trong năm, số cuối năm, lao động bình quân trong năm (trong đó: biên chế, hợp đồng có xác định thời hạn, hợp đồng vụ việc, hợp đồng theo Nghị định 68). Tổng thu nhập, trong đó: Lương cơ bản, lương tăng thêm, bình quân thu nhập người/tháng.

12- Báo cáo tình hình thực hiện, kết quả thực hiện nhiệm vụ chuyên môn năm 2017 của đơn vị và các đơn vị trực thuộc.

13- Báo cáo tình hình thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước: về công tác quản lý tài chính, kế toán; các kiến nghị về xử lý tài chính, tài sản (thuyết minh, giải thích cụ thể; các kiến nghị chưa thực hiện - nguyên nhân, lý do).

14- Báo cáo tình hình và kết quả thực hiện Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 và Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 7/10/2013 sửa đổi sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 130/2005/NĐ-CP; Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 và Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/2/2015 của Chính phủ về

Quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập; Nghị định số 115/2005/NĐ-CP và Nghị định số 54/2016/NĐ-CP.

15- Báo cáo tình hình thực hiện đề tài, dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ (nếu có);

16- Biên bản thanh tra, kiểm tra (nếu có).

II. Tài liệu đối với các đơn vị dự toán đơn vị cấp III và Các Ban quản lý dự án trực thuộc Bộ:

1- Quyết định thành lập đơn vị, quy định về chức năng, nhiệm vụ của đơn vị và các quyết định bổ sung điều chỉnh (nếu có).

2- Báo cáo quyết toán, Báo cáo tài chính năm 2016, 2017;

3- Các văn bản đề nghị chuyển số dư của đơn vị, thông báo chuyển số dư của năm 2016 sang năm 2017, năm 2017 sang năm 2018.

4- Quy chế chi tiêu nội bộ và các quy chế liên quan đến quản lý tài chính, kế toán, quản lý sử dụng tài sản của đơn vị;

5- Báo cáo tình hình sử dụng lao động năm 2017: số đầu năm, số tăng giảm trong năm, số cuối năm, lao động bình quân trong năm (trong đó: biên chế, hợp đồng có xác định thời hạn, hợp đồng vụ việc, hợp đồng theo Nghị định 68). Tổng thu nhập, trong đó: Lương cơ bản, lương tăng thêm, bình quân thu nhập người/tháng.

6- Báo cáo tình hình thực hiện, kết quả thực hiện nhiệm vụ chuyên môn năm 2017 của đơn vị.

7- Báo cáo tình hình thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước: về công tác quản lý tài chính, kế toán; các kiến nghị về xử lý tài chính, tài sản (thuyết minh, giải thích cụ thể; các kiến nghị chưa thực hiện - nguyên nhân, lý do).

8- Báo cáo tình hình và kết quả thực hiện Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 và Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 7/10/2013 sửa đổi sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 130/2005/NĐ-CP; Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 và Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/2/2015 của Chính phủ về Quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập; Nghị định số 115/2005/NĐ-CP và Nghị định số 54/2016/NĐ-CP.

9- Báo cáo tình hình thực hiện đề tài, dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ (nếu có);

10- Biên bản thanh tra, kiểm tra (nếu có).